

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **282/2025/DS-PT**

Ngày: 26/9/2025

V/v: “Tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Thái

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh và bà Phạm Phong Lan

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Yến Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng – Cơ sở 1 xét xử phúc thẩm công khai vụ dân sự phúc thẩm thụ lý số 144/2025/TLPT-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2025, về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST, ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 443/2025/QĐ-PT, ngày 03 tháng 9 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 517/TB-TA, ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Đặng Hoài S, sinh năm: 1959, bà Võ Thị N, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Khu phố B, T, H, Bình Thuận cũ.

Đại diện theo ủy quyền của ông S: ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định cũ.

Địa chỉ liên hệ: 89B Nguyễn Công T1, T, L, Bình Thuận cũ. Theo Giấy ủy quyền được công chứng ngày 14/3/2025, số công chứng 275, quyền số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C.

Đại diện theo ủy quyền của bà N: ông Đặng Hoài S, sinh năm 1959

- Bị đơn: bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1965

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đỗ Văn H1, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Khu phố B, T, H, Bình Thuận cũ.

Đại diện theo ủy quyền của ông H1, bà H: bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Q, Hồ N, N, Hải Dương cũ. Địa chỉ liên hệ: Khu phố B, T, H, Bình Thuận cũ. Theo Hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 03/3/2025, số công chứng 538,

Quyển số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông H1, bà H:* bà Trần Thị Y T2, Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H

Địa chỉ liên hệ: số C đường F-CL, C, TP ., TP . cũ.

Do có kháng cáo của ông Đặng Hoài S.

Tại phiên tòa có mặt ông Đặng Hoài S, ông Nguyễn Thanh T, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Văn H1, bà Trần Thị Y T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

- *Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn thống nhất trình bày:* vợ chồng ông S, bà N có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 20, diện tích 240m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 079375 do UBND huyện H cấp ngày 01/9/2005 (*sau đây viết tắt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 079375*) cho bà H với giá 900.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng được chứng thực tại UBND thị trấn T ngày 20/7/2020, nhưng để giảm thuế các bên thống nhất thể hiện giá chuyển nhượng là 200.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng, vợ chồng ông đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc cho vợ chồng bị đơn thực hiện thủ tục cập nhật biến động sang tên, đồng thời cũng đã bàn giao đất cho họ sử dụng. Khi thanh toán thì bà H còn nợ lại số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), các bên có lập giấy hẹn ngày 21/7/2020 thể hiện “*còn lại 50.000.000đ, hẹn ngày nhận sổ đỏ bà H sẽ giao đủ 50.000.000đ còn lại bằng tiền mặt cho bà N*”. Tuy nhiên, từ năm 2020 đến nay bà H không thực hiện. Do đó, vợ chồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền trên với mức 10%/năm từ ngày 22/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn thay đổi lời trình bày, theo đó giá trị quyền sử dụng đất các bên thỏa thuận chuyển nhượng là 934.000.000 đồng (chín trăm ba mươi bốn triệu đồng), đồng thời bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu bà H và ông H1 liên đới thanh toán số tiền nợ từ việc chuyển nhượng là 79.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 20/8/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 34.752.100 đồng, tổng số tiền yêu cầu là 113.752.100 đồng.

- *Bị đơn và đại diện bị đơn trình bày:* bà H có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 079375 từ vợ chồng ông S, bà N với giá thỏa thuận ban đầu là 934.000.000 đồng, sau đó các bên thống nhất lại giá chuyển nhượng là 900.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng được chứng thực tại UBND thị trấn T, nhưng để giảm thuế thì ông S đề nghị thể hiện giá chuyển nhượng trong hợp đồng là 200.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng, vợ chồng ông S đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà H thực hiện thủ tục cập nhật biến động sang tên, đồng thời cũng đã bàn giao đất cho vợ chồng bà sử dụng. Vợ chồng bà H đã thanh toán cho vợ chồng ông S đủ số tiền 900.000.000 đồng. Việc nguyên đơn khởi kiện là không đúng. Đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu để đình chỉ giải quyết vụ án hoặc bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông H1 và đại diện ông H1 thống nhất trình bày: thống nhất với lời trình bày của bà H. Đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án hoặc bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết trong “Giấy biên nhận” do nguyên đơn giao nộp. Tại Kết luận giám định số 1398/KL-KTHS ngày 11/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: *Chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Thị H phía cuối trang của tài liệu cần giám định ký hiệu A (Giấy biên nhận đề ngày 21/7/2020) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Đỗ Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký, viết ra.*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án vì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, tính từ ngày nguyên đơn biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm đã hơn 03 năm, do đó thời hiệu khởi kiện đã hết. Trường hợp Tòa án không đình chỉ giải quyết vụ án thì đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì giá trị chuyển nhượng được các bên thống nhất là 900.000.000 đồng, bị đơn đã thanh toán đủ tiền và được nguyên đơn xác nhận. Nguyên đơn trình bày bị đơn lừa mình xác nhận đã thanh toán đủ nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST, ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 161, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 155, 274, 275, 280, 372, 373 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 3 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoài S và bà Võ Thị N đối với bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Văn H1 về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, cụ thể:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoài S và bà Võ Thị N đối với bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Văn H1 về việc yêu cầu bà H, ông H1 thanh toán số tiền 113.752.100 đồng. Bao gồm 79.000.000 đồng nợ gốc và 34.752.100 đồng lãi chậm trả tính đến ngày 05/6/2025.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, nguyên đơn ông Đặng Hoài S kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST, ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả tiền.

- Bị đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Xét thấy đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định và đã thực hiện việc nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ lại từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tiền lãi chậm trả. Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *“Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”* là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn có nơi cư trú tại Khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay tỉnh Lâm Đồng), nên Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân (nay thuộc Tòa án khu vực 15) căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4] Đây là vụ án về *“Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”* theo khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông H1, bà H yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xác định trường hợp này không áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét khách quan, đầy đủ các tài liệu, hồ sơ, chứng cứ có trong vụ án, hoàn toàn không xem xét đến lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm. Dẫn đến kết luận bất lợi cho nguyên đơn, không phù hợp với các chứng cứ khách quan của vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn, thấy rằng: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, thể hiện: giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 20, diện tích 240m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB

079375 do UBND huyện H cấp ngày 01/9/2005. Giá chuyển nhượng các bên thoả thuận là 934.000.000 đồng. Đặt cọc là 50.000.000 đồng và ông S đã nhận tiền, sau đó các bên thống nhất lại giá trị chuyển nhượng giảm xuống còn 900.000.000 đồng. Bị đơn trình bày số tiền 34.000.000 đồng nguyên đơn giảm cho bị đơn để nộp thuế phí, giá trị chuyển nhượng còn lại là 900.000.000 đồng.

Tại giấy biên nhận ngày 21/7/2020 có nội dung được các bên xác nhận: thể hiện các bên có sang nhượng thửa đất trị giá 900.000.000 đồng, đã đưa trước 850.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng và có chữ ký của ông Đặng Hoài S, bà Đỗ Thị H và bà Võ Thị N ngoài ra còn có nội dung *“hẹn ngày nhận số đo bà H sẽ giao đủ số tiền 50.000.000đ còn lại bằng tiền mặt cho Võ Thị N...”*. Tại kết luận giám định số 1398/KL-KTHS ngày 11/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận chữ ký chữ viết của bà H và tại phiên tòa sơ thẩm phía bị đơn thừa nhận vào thời điểm lập biên nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng. Như vậy, tại thời điểm ngày 21/7/2020 bà H ông H1 còn nợ vợ chồng nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất như cấp sơ thẩm xác định là có cơ sở.

[5.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện và đề nghị Tòa án tuyên bà H và ông H1 phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ từ việc chuyển nhượng là 79.000.000 đồng (bao gồm tiền nợ 50.000.000 đồng thiếu tiền mua đất và 29.000.000 đồng tiền thừa khoản tiền đóng thuế đối với số tiền 34.000.000 đồng sau khi nộp thuế) và tiền lãi chậm trả là 34.752.100 đồng, tổng số tiền yêu cầu là 113.752.100 đồng

Các tài liệu chứng cứ có tài hồ sơ và được nguyên đơn là ông Đặng Hoài S thừa nhận: giấy viết tay ngày 22/8/2020 có nội dung *“tôi đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng của bà H hôm trước đã có giấy hẹn và giao kèo. Giấy nợ trước không có giá trị nữa. Đã nhận đủ 900.000.000 đồng”* và ký ghi rõ họ tên Đặng Hoài S là chữ ký chữ viết của ông S, tuy nhiên ông S cho rằng vợ chồng bà H và ông H1 yêu cầu viết nội dung trên nhưng chưa giao tiền và hẹn nhiều lần nhưng không trả.

Xét thấy, nội dung giấy viết tay ngày 22/8/2020 và việc khai nại của nguyên đơn về việc chưa được nhận tiền thấy rằng: nội dung giấy viết tay được lập có nội dung thể hiện giấy nhận tiền có ghi giấy nợ trước không còn giá trị nữa – với nội dung trên thể hiện đã thực hiện xong số tiền còn lại của giấy biên nhận ngày 21/7/2020. Đối với việc chưa nhận tiền của nguyên đơn cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn đã thanh toán số tiền nợ 50.000.000 đồng từ việc chuyển nhượng đất theo biên nhận ngày 21/7/2020 cho ông S là có cơ sở, phù hợp với giấy viết tay được lập vào ngày 22/8/2020. Do đó, không có căn cứ buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị chuyển nhượng thực tế của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên 900.000.000 đồng là đúng và nguyên đơn đã nhận đủ số tiền mua đất từ bị đơn, nên giấy nợ lập ngày 21/7/2020 không còn giá trị như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[5.3] Đối với việc bà N không ký vào giấy viết tay ngày 22/8/2020, nhưng ông S thừa nhận thời điểm viết giấy nhận tiền có mặt bà N. Như vậy, mặc dù bà N không ký vào biên bản, nhưng bà đã biết ông S nhận tiền, nên việc bà không ký không làm

mất đi hiệu lực của văn bản này. Bởi lẽ, quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng bà N và ông S, đối với bên còn lại trong giao dịch thì ông S và bà N đều có quyền yêu cầu trả tiền.

[6] Đối với số tiền 29.000.000 đồng khoản tiền thuê thừa (trong khoản tiền 34.000.000 đồng nộp thuế) nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa. Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị của hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất là 900.000.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn bà H đã thanh toán cho nguyên đơn là 900.000.000 đồng (thể hiện qua giấy viết tay ngày 22/8/2020) nên việc nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà H thanh toán 29.000.000 đồng là không có cơ sở.

[7] Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 20/8/2020 đến ngày xét xử. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn đã thanh toán số tiền nợ cho nguyên đơn nên không phát sinh nghĩa vụ trả lãi chậm trả. Vì vậy, yêu cầu về tính lãi chậm là không có căn cứ.

Nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho kháng cáo của mình, nên không có cơ sở để chấp nhận như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa phúc thẩm.

[8] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, người kháng cáo là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Hoài S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST, ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 161, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 155, 274, 275, 280, 372, 373 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 3 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoài S và bà Võ Thị N về việc yêu cầu bà Đỗ Thị H và ông Đỗ Văn H1 thanh toán số tiền 113.752.100 đồng, bao gồm 79.000.000 đồng nợ gốc và 34.752.100 đồng lãi chậm trả tính đến ngày 05/6/2025.

2. Ông Đặng Hoài S và bà Võ Thị N phải chịu 3.000.000 đồng chi phí tố tụng. Ông S, bà N đã nộp đủ.

3. Án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: ông Đặng Hoài S được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị N phải chịu 2.843.803 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0010811 ngày 19/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Bà N phải tiếp tục nộp số tiền 2.543.803 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Đặng Hoài S là người cao tuổi và có đơn nên được miễn án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thái